TOÀ ÁN NHÂN DÂN Huyện G Tỉnh N **----------** ***Số: 43/2018/QĐST- HNGĐ***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *G, ngày 25 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

C□NG NH□N THU□N T□NH LY H□N
VÀ S□ THO□ THU□N C□A C□C □□□NG S□

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 45/2018/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1986; trú tại: xóm 5, thôn D, xã N, huyện L, tỉnh H.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986; trú tại: thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1986; trú tại: xóm 5, thôn D, xã N, huyện L, tỉnh H.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986; trú tại: thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

2.1. ***Về con chung***: Anh Nguyễn Trọng H và chị Nguyễn Thị T xác định có với nhau hai con chung là các cháu Nguyễn Trọng Đại H1, sinh ngày 29/8/2009 và cháu Nguyễn Hương Tuyết N, sinh ngày 25/11/2011, hiện nay cả hai con đang ở cùng chị T. Hai bên thỏa thuận tiếp tục giao các cháu Nguyễn Trọng Đại H1 và Nguyễn Hương Tuyết N cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 và N đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trọng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. ***Về tài sản, công nợ chung***: Anh Nguyễn Trọng H và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. ***Về án phí sơ thẩm ly hôn***: Anh Nguyễn Trọng H phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), đ- ợc khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2013/0001036, ngày 26/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn. Anh H được trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Thi hành án huyện G;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã G;
- L- u hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN
Thẩm phán
(đã ký)

Hà Thiện Thành